

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DSST

Ngày: 06-12-2021

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Hùng Dũng

2. Ông Lê Văn Thừa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2020/TLST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Hoài P, sinh năm 1988; Trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1987; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Văn bản ủy quyền lập ngày 08/12/2020 (*vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Hoài P - bà Bùi Thị Thu T trình bày:

Vào ngày 14/4/2020, nguyên đơn ông Phan Hoài P có cho bị đơn ông Nguyễn Văn M vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 20%/năm, thời hạn thanh toán là 30 ngày và hai bên lập giấy biên nhận nợ ngày 14/4/2020. Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay, ông M chỉ thanh toán một tháng tiền lãi với số tiền 4980.000 đồng thì ngưng thanh toán. Đến nay, đã quá thời hạn thanh toán nhưng ông M vẫn không thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận.

Nay nguyên đơn ông Phan Hoài P yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn M

phải có trách nhiệm trả số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tương đương 0,83%/tháng (tính từ 14/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm).

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn M vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Phan Hoài P số tiền 344.820.000 đồng (trong đó: vốn gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi 44.820.000 đồng).

Về án phí dân sự: Buộc bị đơn ông M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo Đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Phan Hoài P yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm thanh toán số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt bà Thủy và ông M.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về nợ gốc:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông M được biết về việc nguyên đơn ông P yêu cầu bị đơn ông M có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay để bị đơn ông M có ý kiến phản đối lại yêu cầu của ông P và đưa ra chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối lại yêu cầu là có căn cứ. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông M không có ý kiến phản đối lại yêu cầu và không đưa ra chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn ông P. Theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông M không đưa ra ý kiến phản đối cũng như các chứng cứ để chứng minh phản đối trước yêu cầu của nguyên đơn ông P thì Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào giấy nhận nợ lập ngày 14/4/2020, lời khai của nguyên đơn thể hiện: Ngày 14/4/2020, ông P và ông M có xác lập hợp đồng vay tài sản. Nội dung: ông P cho ông M vay số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận theo

quy định của pháp luật, thời hạn vay là 30 tháng, ông M có ký vào giấy biên nhận nợ ngày 14/4/2020. Quá trình vay cho đến nay, ông M không thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Kết luận giám định số 80/KLGD-PC09 (TL) của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Cần Thơ thể hiện:

1/ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Văn M, phía dưới mục “Người nhận nợ (ký, điểm chỉ, ghi rõ họ tên)” trên giấy Biên nhận nợ ghi ngày 14/04/2020 ký hiệu A so với chữ ký của ông Nguyễn Văn M trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M16 có phải do cùng một người ký ra hay không.

2/ Chữ viết mang tên Nguyễn Văn Mai, phía dưới mục “Người nhận nợ (ký điểm chỉ, ghi rõ họ tên)” trên giấy biên nhận nợ ghi ngày 14/04/2020 ký hiệu A so với mẫu chữ viết mang tên Nguyễn Văn M trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M4 đến M16 là do cùng một người viết ra.

Căn cứ vào kết luận giám định trên xác định chữ ký tên của ông Nguyễn Văn M trong giấy biên nhận nợ lập ngày 14/4/2020 là chưa đủ cơ sở để kết luận. Tuy nhiên, về chữ viết tên Nguyễn Văn M phía dưới mẫu chữ ký giấy biên nhận nợ lập ngày 14/4/2020 là do ông Nguyễn Văn M viết ra. Ngoài ra, nguyên đơn ông P xác định chữ ký và chữ viết tên trong giấy biên nhận nợ lập ngày 14/4/2020 là do ông Nguyễn Văn M ký và viết tên ra. Do đó, có cơ sở xác định việc ông P và ông M có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền trên.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P xác định từ khi vay tiền cho đến nay bị đơn ông M chưa thanh toán tiền gốc và lãi đúng theo thỏa thuận. Phía bị đơn ông M được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán nợ cho ông P.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định bị đơn ông M có vay của nguyên đơn ông P số tiền 300.000.000 đồng và chưa thanh toán. Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 530 và Điều 536 của Bộ luật Dân sự, nguyên đơn ông P yêu cầu bị đơn ông M có trách nhiệm trả số tiền 300.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Căn cứ vào giấy biên nhận nợ ngày 14/4/2020 và lời thừa nhận của nguyên đơn thì có cơ sở xác định hợp đồng vay trên là các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể ghi vào hợp đồng. Theo nguyên đơn khai nhận, phía bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 01 tháng tiền lãi với số tiền 4.980.000 đồng phù hợp theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm), kể từ ngày 14/5/2020 cho đến ngày 06/12/2021 nhưng chỉ yêu cầu phía bị đơn thanh toán tròn 18 tháng tiền lãi là phù hợp, được tính cụ thể như sau:

Tiền vốn gốc: 300.000.000 đồng.

Tiền lãi tính từ ngày 14/5/2020 đến ngày 06/12/2021 (tính tròn 18 tháng):
 $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 44.820.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: Nợ vốn và lãi là 344.820.000 đồng. Như vậy, cần buộc bị đơn ông M phải trả cho nguyên đơn ông P số tiền là 344.820.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông M phải chịu án phí trên số tiền của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] *Về chi phí giám định chữ ký*: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000đồng và đã chi xong. Buộc bị đơn ông M có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn ông P số tiền 6.000.000 đồng.

[5] Từ những căn cứ trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông P số tiền 300.000.000đồng và tiền lãi 44.820.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Hoài P về việc đòi nợ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Phan Hoài P số tiền là 344.820.000 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 300.000.000đồng và nợ lãi là 44.820.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M phải nộp số tiền 17.241.000 đồng.

Nguyên đơn ông Phan Hoài P được nhận lại số tiền 8.126.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 013543 ngày 29/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5. Về chi phí giám định chữ ký: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000đồng và đã chi xong. Buộc bị đơn ông M có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn ông P số tiền 6.000.000 đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Điều 7a, Điều

7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Tuyên án công khai, vắng mặt đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng